kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 3 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 01/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: H10.CK1.021

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sắp xếp nào sau đây đúng theo chiều tăng dần độ mạnh?

A. tương tác van der Waals, liên kết hydrogen, liên kết cộng hoá trị

B. tương tác van der Waals, liên kết cộng hoá trị, liên kết hydrogen

C. liên kết cộng hoá trị, liên kết hydrogen, tương tác van der Waals

D. liên kết hydrogen, tương tác van der Waals, liên kết cộng hoá trị

Câu 2. Hai nguyên tử là đồng vị của nhau khi chúng có

A. cùng số proton và cùng số neutron.

B. cùng số neutron nhưng khác số proton.

C. cùng số proton nhưng khác số neutron.

D. cùng số khối nhưng khác số proton.

Câu 3. Bốn thẻ dữ liệu dưới đây được ghi cho **cùng một** mẫu nguyên tố. Nhật kí phòng thí nghiệm xác nhận **đúng một** thẻ bị chép nhầm từ mẫu bên cạnh, nhưng không ghi thẻ nào.

Bản ghi	Nội dung
$R1$	Ion bền của mẫu là R^{2+}, có cấu hình electron $1s^2\ 2s^2\ 2p^6$.
$R2$	Mẫu thuộc chu kì 3.
$R3$	Oxide cao nhất của mẫu có dạng RO_3 (với R là kí hiệu của mẫu).
$R4$	So với P, độ âm điện của mẫu LỚN HƠN.

Các nguyên tố ứng viên là Mg, S. Vị trí của chúng và của nguyên tố mốc P trên bảng tuần hoàn rút gọn:

Chu kì	Nhóm IIA	Nhóm VA	Nhóm VIA
3	Mg (ứng viên)	P (mốc)	S (ứng viên)

Quy ước dùng trong bài (chỉ dùng đúng những gì ghi ở đây):

Quy ước	Nội dung
Ion bền	Nguyên tố nhóm IA đến IIIA nhường hết electron lớp ngoài cùng; nguyên tố nhóm VA đến VIIA nhận thêm electron cho đủ tám.
Oxide cao nhất	Nhóm IA: R_2O IIA: RO IIIA: R_2O_3 VA: R_2O_5 VIA: RO_3 VIIA: R_2O_7.
Xu hướng	Trong cùng chu kì, Z tăng thì bán kính nguyên tử giảm và độ âm điện tăng. Trong cùng nhóm A, Z tăng thì bán kính nguyên tử tăng và độ âm điện giảm.
So sánh hợp lệ	Chỉ so xu hướng giữa hai nguyên tố CÙNG chu kì hoặc CÙNG nhóm A; ngoài hai trường hợp đó thì không kết luận được.

Hỏi: cặp nào gồm nguyên tố của mẫu và mã thẻ bị chép nhầm?

A. Mẫu là S bản ghi bị chép nhầm là $R1$.
B. Mẫu là Mg bản ghi bị chép nhầm là $R4$.
C. Mẫu là Mg bản ghi bị chép nhầm là $R3$.
D. Mẫu là S bản ghi bị chép nhầm là $R4$.

Câu 4. Một nguyên tử có 10 proton và 12 neutron. Nguyên tử ấy thuộc nguyên tố nào?

A. fluorine. **B.** magnesium. **C.** hydrogen. **D.** neon.

Câu 5. Trong chu kì 4, đi từ potassium (K, $Z = 19$) đến bromine (Br, $Z = 35$) theo chiều tăng dần điện tích hạt nhân, độ âm điện của các nguyên tố

A. giảm rồi tăng **B.** giảm dần **C.** không đổi **D.** tăng dần

Câu 6. Người gộp các nguyên tố có tính chất giống nhau thành từng bộ ba là

A. Dmitri Mendeleev **B.** Johann Döbereiner **C.** Henry Moseley **D.** John Newlands

Câu 7. Hai nguyên tố cạnh nhau có dữ kiện: Cl : $Z = 17$, $\overline{A} \approx 35,45$ Ar : $Z = 18$, $\overline{A} \approx 39,95$. Phát biểu nào đúng theo bảng tuần hoàn hiện đại?

A. Hai nguyên tố chung một ô vì khối lượng gần nhau.
B. Số neutron quyết định thứ tự ô, không phụ thuộc Z.
C. Ar đứng trước vì có Z lớn hơn.
D. Cl đứng trước Ar vì $17 < 18$, theo Z tăng.

Câu 8. Orbital p có hình dạng

A. Khối cầu có tâm là hạt nhân.

B. Hình số tám nổi, gồm hai khối cầu méo úp vào nhau.

C. Phức tạp, phần lớn có bốn thùy.

D. Phức tạp hơn nữa, nhiều thùy.

Câu 9. Ở điều kiện thường, hợp chất ion calcium fluoride (CaF_2) tồn tại ở thể

A. lỏng **B.** khí hoặc lỏng tuỳ chất **C.** rắn, ở dạng tinh thể **D.** khí

Câu 10. Phân tử acetylene (C_2H_2) có bao nhiêu liên kết σ?

A. 3 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 5